

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐÈO CẢ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1286/2023/ĐC

TP Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2023

V/v điều chỉnh giá vé tại các Trạm thu phí Đèo Cả, An Dân và Cù Mông thuộc Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả.

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA

Số: 10287
ĐẾN Ngày: 20/12/23
Chuyên:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam;
- Hiệp hội vận tải ô tô tỉnh Bình Định;
- Hiệp hội vận tải ô tô tỉnh Phú Yên;
- Hiệp hội vận tải và thương mại ô tô tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ Hợp đồng số 26/HDXD-DEOCA ký ngày 08/12/2012, Phụ lục Hợp đồng dự án số 09/PLHĐ-26/HĐ.BOT- BGTVT ngày 13/3/2019 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh các Nhà đầu tư (Liên danh Tổng công ty xây dựng Hà Nội, Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả, Công ty TNHH MTV quản lý quỹ Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam, Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Đầu tư công đoàn Ngân hàng Công thương Việt Nam) và Doanh nghiệp dự án (Công ty cổ phần đầu tư Đèo Cả);

Căn cứ Văn bản số 14209/BGTVT-CĐCTVN ngày 12/12/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc điều chỉnh giá vé tại các hợp đồng BOT do Bộ GTVT quản lý;

Căn cứ Văn bản số 8663/CĐBVN-TC ngày 15/12/202, số 8693/CĐBVN-TCHC ngày 18/12/2023 của Cục Đường bộ Việt Nam về việc triển khai điều chỉnh giá vé tại các hợp đồng BOT do Bộ GTVT quản lý.

Theo phương án tài chính tại Phụ lục Hợp đồng số 09/PLHĐ-26/HĐ.BOT- BGTVT ngày 13/3/2019 giữa Bộ Giao thông vận tải và Nhà đầu tư, Trạm thu phí hầm Đèo Cả sẽ thực hiện điều chỉnh giá vé vào năm 2021; Trạm thu phí An Dân điều chỉnh giá vé vào năm 2019 và 2022, Trạm thu phí hầm Cù Mông điều chỉnh giá vé vào năm 2022. Để có nguồn kinh phí duy trì công tác quản lý vận hành khai thác, hoàn vốn cho Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả đồng thời đảm bảo hài hòa lợi ích của người sử dụng, Nhà đầu tư và Nhà nước. Trên cơ sở chấp thuận điều chỉnh giá vé của Bộ GTVT tại Văn bản số 14209/BGTVT-CĐCTVN ngày 12/12/2023 (trong đó có Trạm thu phí hầm Đèo Cả, Trạm thu phí An Dân (Km1298+150 Quốc lộ 1) và Trạm thu phí hầm Cù Mông) phù hợp với mức giá quy định tại Thông tư 28/TT-BGTVT ngày 30/11/2021 của Bộ GTVT và được Cục Đường bộ Việt Nam thống nhất theo Phụ lục đính kèm tại Văn bản số 8693/CĐBVN-TCHC ngày 18/12/2023, Doanh nghiệp dự án thực hiện điều chỉnh giá vé tại các trạm thu phí hoàn vốn của Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả với nội dung sau:



1. Mức giá vé điều chỉnh tại trạm thu phí Đèo Cả, An Dân và Cù Mông theo Phụ lục đính kèm.
2. Thời điểm bắt đầu điều chỉnh giá vé từ lúc **00 giờ 00 phút, ngày 29/12/2023.**

Doanh nghiệp dự án xin thông báo thông tin đến các Quý cơ quan đơn vị được biết, đồng thời đề nghị UBND tỉnh Bình Định, UBND tỉnh Phú Yên, UBND tỉnh Khánh Hòa chỉ đạo các đơn vị chức năng hỗ trợ Nhà đầu tư trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông khu vực Trạm thu phí hầm Đèo Cả, Trạm thu phí An Dân (Km1298+150 Quốc lộ 1) và Trạm thu phí hầm Cù Mông.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ GTVT (b/c);
- Cục ĐBVN (b/c);
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND thị xã Đông Hòa;
- UBND huyện Tuy An;
- UBND huyện Vạn Ninh;
- Công ty DII (t/h);
- BDH, HĐQT Công ty;
- Lưu: VT, KHKT.

Đính kèm:

- VB số 14209/BGTVT-CĐCTVN ngày 12/12/2023;
- VB số 8663/CĐBVN-TC ngày 15/12/2023;
- VB số 8693/CĐBVN-TCHC ngày 18/12/2023.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trung Kiên

PHỤ LỤC 1: MỨC THU TIỀN (GIÁ VÉ) DỊCH VỤ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ, BAO GỒM THUẾ GTGT 10%

(Đính kèm theo văn bản số 126/2023/ĐC ngày 9/12/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả)

1. Mức thu tiền (giá vé) dịch vụ sử dụng hầm đường bộ áp dụng tại Trạm thu phí Đèo Cả

Đơn vị: Đồng/vé

Stt	Nhóm phương tiện	Giá vé hiện nay			Giá vé điều chỉnh		
		Vé lượt	Vé tháng	Vé quý	Vé lượt	Vé tháng	Vé quý
1	Xe dưới 12 ghế ngồi; xe tải trọng dưới 2 tấn; các loại xe buýt vận tải khách công cộng	90.000	2.700.000	7.290.000	110.000	3.300.000	8.910.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	130.000	3.900.000	10.530.000	160.000	4.800.000	12.960.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	170.000	5.100.000	13.770.000	200.000	6.000.000	16.200.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn, xe chở hàng bằng container 20 feet	180.000	5.400.000	14.580.000	210.000	6.300.000	17.010.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 feet	240.000	7.200.000	19.440.000	280.000	8.400.000	22.680.000

2. Mức thu tiền (giá vé) dịch vụ sử dụng đường bộ áp dụng tại Trạm thu phí An Dân (Km 1298+150 Quốc lộ 1, được đổi tên từ Trạm Bàn Thạch) như sau:

Đơn vị: Đồng/vé

Stt	Nhóm phương tiện	Giá vé hiện nay			Giá vé điều chỉnh		
		Vé lượt	Vé tháng	Vé quý	Vé lượt	Vé tháng	Vé quý
I	MỨC VÉ CHUNG						
1	Xe dưới 12 ghế ngồi; xe tải trọng dưới 2 tấn; các loại xe buýt vận tải khách công cộng	35.000	1.050.000	2.835.000	41.000	1.230.000	3.321.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	50.000	1.500.000	4.050.000	59.000	1.770.000	4.779.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	75.000	2.250.000	6.075.000	87.000	2.610.000	7.047.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn, xe chở hàng bằng container 20 feet	120.000	3.600.000	9.720.000	140.000	4.200.000	11.340.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 feet	180.000	5.400.000	14.580.000	200.000	6.000.000	16.200.000

Stt	Nhóm phương tiện	Giá vé hiện nay			Giá vé điều chỉnh		
		Vé lượt	Vé tháng	Vé quý	Vé lượt	Vé tháng	Vé quý
II	MỨC VÉ VÙNG LÂN CẬN						
1	Xe dưới 12 ghế ngồi; xe tải trọng dưới 2 tấn; các loại xe buýt vận tải khách công cộng	14.000	420.000	1.134.000	16.000	480.000	1.296.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	20.000	600.000	1.620.000	23.000	690.000	1.863.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	30.000	900.000	2.430.000	34.000	1.020.000	2.754.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn, xe chở hàng bằng container 20 feet	48.000	1.440.000	3.888.000	56.000	1.680.000	4.536.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 feet	72.000	2.160.000	5.832.000	80.000	2.400.000	6.480.000

3. Mức thu tiền (giá vé) dịch vụ sử dụng hầm đường bộ áp dụng tại Trạm thu phí Cù Mông

Đơn vị: Đồng/vé

Stt	Nhóm phương tiện	Giá vé hiện nay			Giá vé điều chỉnh		
		Vé lượt	Vé tháng	Vé quý	Vé lượt	Vé tháng	Vé quý
1	Xe dưới 12 ghế ngồi; xe tải trọng dưới 2 tấn; các loại xe buýt vận tải khách công cộng	60.000	1.800.000	4.860.000	70.000	2.100.000	5.670.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	70.000	2.100.000	5.670.000	82.000	2.460.000	6.642.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	120.000	3.600.000	9.720.000	141.000	4.230.000	11.421.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn, xe chở hàng bằng container 20 feet	140.000	4.200.000	11.340.000	165.000	4.950.000	13.365.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 feet	220.000	6.600.000	17.820.000	259.000	7.770.000	20.979.000

